TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày 23/02/2024
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Trung Sơn

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Công Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2023/QĐXXST-DS ngày 16/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2023/QĐST-DS, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 349/2023/QĐST-DS ngày 21/11/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 14/TB-TA ngày 17/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 30/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh K**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Lê Thị Thanh T (Lê Thị Thanh T1)**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Anh **Hồ Văn U**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/202, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh K trình bày:

Chị có tham 06 dây hụi do chị T làm đầu thảo (tất cả các dây hụi này đều còn sống), đến tháng 3/2023 thì chị T ngưng không khui hụi nữa nên còn nợ chị tổng cộng 06 dây hụi là 150.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng còn nợ lại 100.000.000 đồng.

Đến ngày 25/02/2023âl, chị có bảo lãnh cho chị T hốt dây hụi 10.000.000 đồng, (nếu sau khi hốt hụi chị T không đóng hụi chết thì chị có nghĩa vụ đóng thay tiền hụi chết của chị T cho chủ hụi), sau khi hốt hụi chị T không đóng hụi chết nên chị phải đóng thay chị T đến 30/7/2023âl được 06 lần hụi chết là 60.000.000 đồng, chị còn phải tiếp tục đóng hụi chết thay cho chị T đến khi mãn hụi 11 lần nữa, tổng cộng số tiền là 160.000.000 đồng.

Sau khi chị T ngưng kêu hụi thì ngày 23/3/2023 chị T và anh U (chồng chị T) làm giấy bảo lãnh tiền hụi, xác nhận có nợ chị K tổng cộng 260.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, nếu vợ chồng chị T không trả theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị B sẽ đứng ra trả nợ thay bằng thửa đất số 123, tờ bản đồ 22, diện tích 2.650,8m^2, tọa lạc Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T (giấy bảo lãnh hụi do chị T viết, anh U và bà B đồng ý ký tên). Nay chị yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền 260.000.000 đồng theo thỏa thuận giấy bảo lãnh nợ, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa chị K thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B trả số tiền 220.000.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật, đối với số tiền 40.000.000 đồng đã chưa đến hạn thì chị yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, bắt trả vào tháng 3/2024, rút lại yêu cầu trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 23/3/2023.

Bị đơn bà B đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2023, bà B không đồng ý bảo lãnh 260.000.000 đồng tiền hụi cho chị T, anh U nhưng bà thừa nhận có ký vào giấy bảo lãnh tiền hụi ngày 23/3/2023 mà không đọc kỹ nội dung biên nhận.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị T xác định có nợ chị K 260.000.000 đồng tiền hụi, đã trả được 10.000.000 đồng, bà B do thương con nên ngày 23/3/223 có ký tên đồng ý bảo lãnh số tiền hụi này cho chị, nay chị đồng ý trả số tiền 260.000.000 đồng cho chị K nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại bản tự khai anh U trình bày: Yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh trả nợ, nếu có tiền anh sẽ trả ngay và yêu cầu Tòa án xem xét lãi suất và giấy tờ quyền sử dụng đất của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết

và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà B trả cho chị K 220.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, buộc bà B trả số tiền 40.000.000 đồng, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, bắt trả vào tháng 3/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T, anh U nợ tiền hụi của chị K tổng cộng là 260.000.000 đồng, ngày 23/3/2023 các bên làm giấy bảo lãnh có sự đồng ý bảo lãnh của bà B. Do chị T, anh U không trả tiền theo thỏa thuận và bỏ địa phương không rõ đang ở đâu, nên chị K khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền, nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" theo quy định tại Điều 335 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà B, chị T và anh U đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà B, chị T và anh U theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị K yêu cầu bà B trả nợ thay cho vợ chồng chị T, anh U số tiền 260.000.000 đồng theo thỏa thuận giấy bảo lãnh nợ ngày 23/3/2023, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhận thấy, tại giấy bảo lãnh tiền hụi ngày 23/3/2023 nội dung thể hiện anh U, chị T có nợ chị K số tiền 260.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, trường hợp anh U và chị T không trả như thỏa thuận thì bà B sẽ trả thay, biên nhận do chị T viết, bà B ký tên với tư cách là người bảo lãnh. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai và tờ tự khai bà B xác định không biết gì về số tiền hụi 260.000.000 đồng, nhưng bà xác định có ký tên trong giấy bảo lãnh tiền hụi ngày 23/3/2023, lúc ký tên có mặt chị T và chị K. Hơn nữa, tại biên bản đối chất ngày 20/12/2023, chị K và chị T đều xác định chị K có đọc lại nội dung giấy bảo lãnh cho bà B nghe, bà B đồng ý mới ký tên nên việc bà B cho rằng bà không biết rõ nội dung của giấy bảo lãnh mà ký tên là không có cơ sở. Mặc khác, để làm rõ lời khai của các bên đương sự Tòa án cũng đã tiến hành đối giữa chị K, bà B và chị T nhưng bà B vắng mặt nên lời trình bày của bà không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ ngày làm giấy bảo lãnh tiền hụi (23/3/2023) đến nay, chị T và anh

U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chị K khởi kiện yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 339, 342 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nội dung trong giấy bảo lãnh thể hiện rõ vợ chồng anh U, chị T mỗi tháng trả 20.000.000 đồng vào ngày 30 và 15 hàng tháng, nếu trường hợp không giữ đúng lời hứa thì bà B sẽ đứng ra trả thay, từ ngày làm giấy bảo lãnh 23/3/2023 đến ngày xét xử, anh U và chị T đã vi phạm 11 tháng với số tiền đến hạn phải trả là 220.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng chưa đến hạn trả nên chị K yêu cầu mỗi tháng trả 20.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, đúng như nội dung giấy bảo lãnh đã thỏa thuận, bắt đầu trả vào tháng 3/2024 là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị T và anh U trình bày có trả cho chị K số tiền 10.000.000 đồng nhưng không có gì chứng minh, chị K không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của chị T, anh U. Anh U yêu cầu Tòa án xem xét lại lãi suất đối với số tiền vợ chồng anh nợ chị K nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị K rút lại yêu cầu trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 23/3/2023. Xét thấy, việc chị K rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 123, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.650,8m^2, tọa lạc Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T, số BU 912910, số vào sổ cấp GCN CH00443, do UBND huyện Cái Bè cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B ngày 29/10/2014, chị K đang giữ để đảm bảo việc trả nợ của bà B là không có căn cứ pháp luật, vì bà B không có làm hợp đồng theo quy định pháp luật thế chấp phần đất này cho chị K để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Do đó, chị K phải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà B.

[7] Án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 227, 244**,** 271, 273, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 279, 335, 336, 339, 342, 356, 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 12, 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh K, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 23/3/2023 đến ngày xét xử.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh K.

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thanh K số tiền 260.000.000đ (Hai trăm hai sáu triệu đồng), trả như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị B trả 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 15/3/2024 trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 15/4/2024 trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Lê Thị Thanh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị B chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Buộc chị Lê Thị Thanh K phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 123, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.650,8m^2, tọa lạc Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T, số BU 912910, số vào sổ cấp GCN CH00443, do UBND huyện Cái Bè cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B ngày 29/10/2014.

Nếu chị Lê Thị Thanh K không giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, thì bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ- CP ngày 18/7/2015, của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và các quy định khác của pháp luật.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Lê Thị Thanh K số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012608 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thảo Lan